

Số: 289/2019/QĐST-HNGĐ

Cái Bè, ngày 09 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 399/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh **Phan Văn K**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Phan Văn K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Phan Văn K tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn vì tình cảm không còn.

2.2 Về con chung: Chị T, anh K có 01 con chung tên Phan Ngọc Khánh L, sinh ngày 21-8-2009. Anh chị tự nguyện thỏa thuận giao con chung cho chị T

nuôi (điều này phù hợp với nguyện vọng của Khánh L mong muốn được sống chung với mẹ), anh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), bắt đầu thực hiện từ tháng 7/2019 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh K được quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án anh K chậm thi hành án thì còn sẽ phải chịu thêm khoản lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, mức lãi suất do hai bên tự thỏa thuận theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.3 Về tài sản chung: Không có.

2.4 Về nợ chung: Không có.

2.5 Về án phí: Chị T tự nguyện chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 10395 ngày 12-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên không phải nộp tiếp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

NGÔ THỊ HÀ